

Bản án số: 351/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022

V/v: ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trung

Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phụng – kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thúy V, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 173 Nguyễn Quang Lâm, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 173 Nguyễn Quang Lâm, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2022, bản tự khai đề ngày 23/6/2022 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thúy V và ông Nguyễn Tuấn A xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại nhà ba mẹ chồng tại phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, chồng thường xuyên chơi bời cá cảnh, cây cảnh, không lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con, gây gổ với gia đình bà V và nơi bà V làm việc, đập phá đồ đạc; bất đồng trong quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 6 tháng nay, Bà V đã đưa con ra thuê nhà sống riêng. Mặc dù, bà V đã cố gắng để hòa giải vợ chồng nhưng ông Tuấn A vẫn chứng nào tật

này, không thay đổi, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Nay bà V cảm thấy tình cảm, quan hệ vợ chồng đã không thể níu kéo, mâu thuẫn không giải quyết được nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A.

- Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà V và ông Tuấn A có với nhau 01 con chung là: Nguyễn Phạm Gia L, sinh ngày 25/7/2014. Trường hợp ly hôn, bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, khi khởi kiện bà V yêu cầu Ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà V không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 23/6/2022 bị đơn Nguyễn Tuấn A trình bày:** Về thời điểm kết hôn, quan hệ hôn nhân và con chung như vợ tôi đã trình bày là đúng. Riêng tôi không đánh vợ như chị V đã khai, tôi là người đi làm lo cho vợ con đầy đủ. Trong cuộc sống đôi lúc tôi cũng có lúc say xỉn về thì vợ thường cằn nhằn gây gổ với tôi; nhưng tôi mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi đoàn tụ để cùng nuôi con, tôi không muốn con thiếu cha và mẹ, tôi cũng đã chăm lo cho con cái tiền ăn học đầy đủ. Do đó, tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Gia L, sinh ngày 25/7/2014. Nếu phải ly hôn thì tôi cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bà V cấp dưỡng. Từ trước đến nay và hiện tại, con gái vẫn đang ở cùng với gia đình nhà tôi, có ông bà nội chăm sóc đầy đủ.

Về tài sản và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thúy V đối với ông Nguyễn Tuấn A.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con tên Nguyễn Phạm Gia Linh, sinh ngày 25/7/2014 cho Bà Thúy V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thúy V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Bà Phạm Thị Thúy V phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả traA tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy V khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Tuấn A để yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật trA chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ theo quy định.

[1.2] Bị đơn Ông Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tuấn A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thúy V và ông Nguyễn Tuấn A xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng vào năm 2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà V xác định là do quan điểm sống của hai vợ chồng không hòa hợp, ông Tuấn A thường xuyên chơi bời cá cược, cờ bạc, không lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con, gây gổ với gia đình vợ và nơi vợ làm việc, không cùng bà V chăm lo sinh hoạt chung của gia đình nên phần ai nấy sống. Vợ chồng đã sống ly thân, bà V đã thuê nhà sống riêng và nuôi con nên quan hệ vợ chồng ngày càng thêm rạn nứt và xa cách nhau không thể hàn gắn được. Ông Tuấn A cũng thừa nhận việc say xỉn gây gổ với vợ, vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung nhưng không muốn ly hôn. Bà V xác định không còn tình cảm với ông Tuấn A nữa, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tạo cơ hội cho hai bên có thời gian hàn gắn, nhưng ông A và bà V đã không thể hàn gắn tình cảm, tại phiên hòa giải hai bên không đi đến được sự thống nhất để hàn gắn tình cảm gia đình, cùng nhau chăm lo cuộc sống, nuôi dạy con cái. Do đó, quan hệ vợ chồng đã rạn nứt, không thể níu kéo tình cảm nên hòa giải không thành, mâu thuẫn không giải quyết được.

Qua xác minh tại tổ dân phố tổ 4, nơi ông Tuấn A và bà V sống chung trước đây tại nhà ba mẹ ông Tuấn A xác định: Về quan hệ vợ chồng ông Tuấn A và bà V có nhiều mâu thuẫn, ông A thường gây gổ, cãi vã nhau nên bà V đã đưa con ra ngoài thuê nhà sống riêng. Hiện nay ông Nguyễn Tuấn A và bà Phạm Thị Thúy V không còn sống chung với nhau, cuộc sống phần ai nấy lo không quan tâm chăm sóc nhau. Ông A và bà V có con gái 8 tuổi, bà V đi làm, do nghỉ hè nên bà V gửi con ở nhà nội và chiều đến đón con về nhà trọ.

Với những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Thúy V và ông Tuấn A đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thúy V đối với ông Nguyễn Tuấn A là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Thúy V và Ông Tuấn A có với nhau 01 con chung là Nguyễn Phạm Gia L, sinh ngày 25/7/2014. Khi khởi kiện, bà Thúy V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và hòa giải, bà V không yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Thúy V và Ông Tuấn A có 01 con chung, hiện nay đã 8 tuổi, từ nhỏ sống chung cùng với bà V và có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo tài liệu chứng cứ bà V cung cấp cho thấy bà V có công việc làm ổn định, có thu nhập, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con. Đồng thời cũng nhằm thực hiện quyền nuôi con, chăm sóc cho con gái trong thời kỳ phát triển tâm sinh lý ở tuổi dậy thì, cũng như không làm xáo trộn sinh hoạt, ảnh hưởng đến việc chăm sóc, học hành của cháu L; việc cháu L ở với mẹ là phù hợp với thực tiễn cuộc sống cũng như quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Phạm Gia L cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Phạm Thị Thúy V và ông Nguyễn Tuấn A đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thúy V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Thúy V phải chịu theo quy định của pháp luật. nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001883 ngày 19/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Phạm Thị Thúy V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thúy V đối với ông Nguyễn Tuấn A về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Thúy V được ly hôn ông Nguyễn Tuấn A. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134/2013, đăng ký ngày 05/12/2013 tại UBND phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Phạm Gia L, sinh ngày 25/7/2014 cho bà Phạm Thị Thúy V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Nguyễn Tuấn A không cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thúy V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Thúy V phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001883 ngày 19/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Phạm Thị Thúy V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 06/9/2022.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường X, quận C;
- (Số ĐKKH: 134/2013, ngày 05/12/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Bàng